TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/DS-ST.
Ngày: 21-5-2020.
V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng.
2. Ông Nguyễn Văn Vệ.

- ***Thư ký phiên toà***: Đỗ Thị Kim Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21/5/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2020/TLST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2020, về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2020/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị P (Năm Hiếu), sinh năm 1955.
Địa chỉ: Số nhà 663, tổ 24, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Lê Quang V, sinh năm 1980.
Địa chỉ: Số nhà 05/12, đường Tôn đức Thắng, khóm 1, Phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người làm chứng: Lê Thị Hồng V, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Ấp C, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà P, anh V, chị Vân có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Lê Thị P trình bày:

Từ năm 2000 đến năm 2004 bà P có cho anh Lê Quang V (là cháu ruột) mượn tổng cộng là 25 chỉ vàng 24kara (vàng 10T) để đi học.

Mỗi năm bà P đưa 06 chỉ vàng 24K cho anh V, đầu năm và giữa năm, có lần bà P đưa vàng cho anh V, có lần bà và anh V cùng đi bán vàng, có lần bà P đi bán vàng đưa tiền cho anh V. Do nghĩ anh V là cháu ruột mình nên bà P không có yêu cầu làm giấy nợ, anh V có hứa với bà P khi anh V ra trường đi làm kiếm được tiền sẽ trả lại vàng cho bà P. Sau khi ra trường đi làm một thời gian anh V có trả cho bà P được 08 chỉ vàng 24K (Tám chỉ vàng) gồm các lần như sau:

Lần 1: Ngày 06/09/2008 anh V trả cho bà P 02 chỉ vàng;

Lần 2: Ngày 22/12/2008 anh V trả cho bà P 03 chỉ vàng;

Lần 3: Ngày 04/04/2009 anh V trả cho bà P 03 chỉ vàng.

Khi trả anh V có lập bảng theo dõi trả nợ cho bà P, anh V và bà P đều ký tên vào bảng theo dõi này, bảng theo dõi này do anh V yêu cầu bà P làm sổ theo dõi để anh V trả nợ.

Sau đó, anh V lấy lý do là không có tiền lo cho vợ con nên anh V không tiếp tục trả số vàng còn nợ cho bà P nữa, thời gian từ lúc ngưng trả đến nay là gần 11 năm. Đến ngày 21/01/2020, anh V có trả cho bà P được 5.000.000 đồng. Như vậy, bà P xác định số vàng anh V đã trả là 08 chỉ vàng 24kara và 5.000.000 đồng trương đương 10 chỉ vàng 24kara.

Rất nhiều lần bà P điện thoại đòi nhưng anh V thấy số điện thoại bà P gọi là không bắt máy, tiếp đó không còn cách nào bà P đành phải làm đơn gửi đến Công ty nơi anh V làm việc yêu cầu giúp đỡ, nhưng tại đây cũng không giải quyết được. Do hoàn cảnh bà P hiện nay lớn tuổi, neo đơn, bản thân bà không có chồng, con, nay đau mai bệnh không còn tiền để chữa trị. Theo bà P biết anh V là nhân viên lâu năm của Công ty Domesco, do vậy thu nhập từ lương của anh V cũng tương đối cao, nhưng vì có ý định cố tình không trả cho bà P chứ không phải vì anh V có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Ngày 04/4/2009 anh V không có trả cho bà 04 chỉ 05 phân vàng 24kara, đây là số vàng chị Lê Thị Hồng Vân mượn trả riêng cho bà P.

Nay bà P yêu cầu anh Lê Quang V phải trả cho bà số vàng còn thiếu là 15 chỉ (mười lăm chỉ) vàng 24kara (Vàng 10T) thống nhất giá vàng là 4.900.000 đồng/01chỉ. Ngoài ra, bà P không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Lê Quang V trình bày:

Từ năm 2000 đến năm 2004, do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà P có cho anh V mượn tiền để đi học, cụ thể như sau:

Năm 2000-2001, mỗi tháng bà P có cho anh V mượn 200.000 đồng/tháng x 20 tháng. Tổng số tiền mượn là 4.000.000 đồng.

Năm 2002-2003, mỗi tháng bà P cho anh V mượn 400.000 đồng/tháng x 20 tháng. Tổng số tiền mượn là 8.000.000 đồng.

Trong năm 2004 là học kỳ cuối thực tập, anh V mượn bà P số tiền là 800.000 đồng.

Tổng số tiền mà bà P cho anh V mượn là 12.800.000 đồng.

Sau khi ra trường đi làm, anh V bắt đầu trả tiền cho bà P. Tuy nhiên, khi trả tiền cho bà P thì bà nói bà không nhận tiền và nhờ anh lấy tiền ra chợ Sa Đéc mua vàng dùm cho bà P để tiện việc cất giữ. Do bà P là cô ruột và anh V cũng mang ơn bà P vì đã cho anh V mượn tiền trong suốt 04 năm học đại học, nên lúc đó anh V đồng ý lấy số tiền đó để mua vàng trả cho bà P. Thời điểm đó, anh V đã trả như sau:

Ngày 06/9/2008, anh V mang tiền trả cho bà P nhưng bà P không đồng ý và kêu anh V mua vàng trả cho bà nên anh V đem tiền mua 02 chỉ vàng 24kara trả cho bà P, giá vàng lúc đó khoảng 1.750.000 đồng/chỉ, tương đương số tiền là 3.500.000 đồng.

Ngày 22/12/2008, anh V trả cho bà P 03 chỉ vàng 24k, giá vàng lúc đó khoảng 1.750.000 đồng/chỉ, tương đương số tiền là 5.250.000 đồng.

Ngày 29/01/2009, anh V mượn chị Lê Thị Hồng Vân số tiền 8.010.000 đồng để trả cho bà P nhưng bà P lại yêu cầu anh V mua 04 chỉ 05 phân vàng 24kara trả cho bà (giá vàng lúc trả là 1.780.000 đồng).

Ngày 04/4/2009, anh V trả cho bà P 03 chỉ vàng 24k, giá vàng lúc đó khoảng 1.800.000 đồng/chỉ, tương đương số tiền là 5.400.000 đồng.

Sau đó, bà P bị bệnh và anh V có đến thăm bà P.

Đến ngày 21/01/2020, anh V có điện thoại cho Ngân (cháu kêu bà P bằng dì) nói với Ngân là anh V có chuyển tiền gửi cho bà P 5.000.000 đồng, do ơn nghĩa nên anh V chuyển tiền cho bà P. Như vậy, tổng số tiền anh V đã trả cho bà P là 27.160.000 đồng.

Nay anh V không đồng ý theo yêu cầu của bà vì anh V đã trả xong nợ cho bà P.

- Các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp: sổ theo dõi trả 2,5 câu vàng.

- Các tài liệu, chứng cứ do phía bị đơn cung cấp: Không có.

- Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

- Các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, các bên đã thống nhất hoặc thỏa thuận được: Không có.

- Các tình tiết, sự kiện trong vụ án mà các đương sự không thống nhất: toàn bộ nội dung tranh chấp trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của bà P, yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ trả lại cho bà 15 chỉ vàng 24kara -10T không yêu cầu tính lãi, thì quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp đòi lại tài sản, theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Lê Thị P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà P trình bày từ năm 2000 – 2004 bà cho anh V mượn tổng cộng là 25 chỉ vàng 24 kara (vàng 10T) để chi phí cho việc học 4 năm đại học của anh V. Mỗi năm bà P đưa 06 chỉ vàng 24K cho anh V, đầu năm và giữa năm, có lần bà P đưa vàng cho anh V, có lần bà và anh V cùng đi bán vàng, có lần bà P đi bán vàng đưa tiền cho anh V. Việc mượn số vàng nêu trên thì không có làm biên nhận (do anh V là cháu ruột bà P). Ngày 06/9/2008 anh V đến trả cho bà 02 chỉ vàng 24 kara và anh V có lập bảng theo dõi trả 2,5 cây vàng và giao bảng theo dõi trả nợ cho bà P giữ để những lần tiếp theo khi anh V trả vàng cả hai cùng ký tên vào bảng theo dõi trả nợ, đến thời điểm hiện nay anh V trả được 08 chỉ vàng 24 kara và 5.000.000 đồng. Bà P yêu cầu anh V trả lại cho bà 15 chỉ vàng 24kara vàng 10T.

Anh V thì cho rằng, từ năm 2000 - 2004 anh có mượn 12.800.000 đồng của bà P để chi phí trong thời gian 4 năm anh học đại học tại Cần Thơ, sau khi học xong anh đi làm anh có mang tiền đến trả thì bà P yêu cầu anh mua vàng để tiện cho việc cất giữ, đồng thời bà P yêu cầu anh lập bảng theo dõi việc trả 2,5 cây vàng. từ ngày 06/9/2008 đến ngày 04/4/2009 anh đã trả cho bà P 12 chỉ 05 phân vàng 24kara. Đến ngày 21/01/2020, anh có trả cho bà P thêm 5.000.000 đồng, tổng số tiền anh V đã trả cho bà P là 27.160.000 đồng là gấp đôi số tiền anh đã mượn của bà P. Vì vậy, anh V không đồng ý theo yêu cầu của bà P.

Xét thấy, lời trình bày của anh V như trên không được bà P thừa nhận, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh V cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh rằng từ năm 2000 -2004 anh mượn số tiền 12.000.000 đồng của bà P và đã trả xong nợ cho bà P. Tại phiên tòa anh V thừa nhận bảng theo dỏi trả nợ 2,5 cây vàng là của anh viết và ký tên, anh V cũng không có chứng cứ nào chứng minh do bà P ép anh lập bảng theo dõi trả nợ này.

Như vậy, căn cứ bảng theo dõi trả 2,5 cây vàng do anh V xác lập là mặc nhiên anh thừa nhận là có vay 25 chỉ vàng 24kara của bà P nên Hội đồng xét xử

không chấp nhận lời khai nại của anh V, xác định 25 chỉ vàng 24kara mà anh V vay của bà P từ năm 2000 - 2004 là có thật.

Tuy nhiên, theo bảng dỏi trả 2,5 cây vàng thì anh V đã trả 12 chỉ 05 phân vàng 24kara và ngày 21/01/2020 anh V trả 5.000.000 đồng cho bà P là tương đương 13 chỉ 05 phân vàng 24kara, do vậy anh V còn phải trả cho bà P là 11 chỉ 05 phần vàng 24kara. Đối với việc bà P cho rằng ngày 29/01/2009 anh V không có trả cho bà P 04 chỉ 05 phân vàng 24kara, số vàng này là của chị Hồng Vân (em ruột anh V) trước đây vay của bà và trả cho bà là không có cơ sở. Bởi vì, tại bảng theo dõi trả nợ là của anh V lập để anh V trả trong khoảng nợ 2,5 cây vàng cho bà, đồng thời lời trình của bà cũng không được anh V thừa nhận, bà cũng không có chứng cứ nào chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một yêu cầu của bà P, buộc phía anh V phải trả cho bà số vàng còn nợ là 11 chỉ 05 phân vàng 24kara.

Giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.900.000 đồng/01 chỉ

[4] Về án phí, do yêu cầu của bà P được chấp nhận một phần nên phải chịu ánh phí đối với phần không chấp nhận nhưng bà P thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà P không phải chịu án phí phần không được chấp nhận. Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 426/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

- Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị P.

- Buộc anh Lê Quang V phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Lê Thị P 11 chỉ 05 phân vàng 24kara (vàng 10 tuổi).

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Anh Lê Quang V phải chịu 2.817.500 đồng (Hai triệu, tám trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng).

+ Bà Lê Thị P được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã Ký)

Huỳnh Thị Thơm